

Số: 129/2026/QĐST-HNGĐ

Đồng Nai, ngày 31 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI**

Căn cứ vào các Điều 397, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110 và Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 301/2026/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Bà **Thòng Trương K**, sinh năm 1990;

Căn cước công dân số 075190002880 cấp ngày 29/4/2021 nơi cấp Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội.

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã T, tỉnh Đồng Nai.

- Ông **Ye Tắc B**, sinh năm 1985;

Căn cước công dân số 075085013524 ngày cấp 15/01/2025 nơi cấp Bộ Công an.

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã T, tỉnh Đồng Nai.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về hôn nhân: Bà Thòng Trương K và ông Ye Tắc B tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là xã B, tỉnh Đồng Nai) và cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 67 quyển số 01/2011 cấp ngày 29/6/2011. Căn cứ vào Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Ngày 23/3/2026, Tòa án đã tiến hành hòa giải để bà K và ông B đoàn tụ; giải thích quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng, giữa cha mẹ và con, về trách nhiệm cấp dưỡng, các vấn đề khác liên quan đến hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, bà K và ông B đều cho rằng cuộc sống chung không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên không đồng ý đoàn tụ và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con.

[2] Về con chung: Bà T Trương Kiều và ông Ye Tác B có 03 con chung tên Ye Hoàng K1, sinh ngày 08/9/2011, cháu Ye Hoàng L, sinh ngày 22/12/2015 và cháu Ye Hoàng P, sinh ngày 24/9/2020. Khi ly hôn bà K và ông B thỏa thuận thống nhất giao cả ba con chung cho bà K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Ông B cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng/03 con (mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cả ba cháu lần lượt đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, ông B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về lệ phí: Bà Thòong Trương K và ông Ye Tác B phải chịu lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Bà Thòong Trương K và ông Ye Tác B thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 03 con chung tên Ye Hoàng K1, sinh ngày 08/9/2011, cháu Ye Hoàng L, sinh ngày 22/12/2015, cháu Ye Hoàng P, sinh ngày 24/9/2020 cho bà T Trương Kiều trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Ông B cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng/03 con (mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cả ba cháu lần lượt đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, ông Ye Tắc B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

## 2. Về lệ phí Tòa án:

Bà T Trương Kiều phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0005022 ngày 10/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai, bà K đã nộp đủ lệ phí.

Ông Ye Tắc B phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0005020 ngày 10/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai, ông B đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

### *Nơi nhận:*

- Đương sự;
- VKSND khu vực 3 – Đồng Nai;
- UBND xã Bàu Hàm, tỉnh Đồng Nai (GCNKH số 67 ngày 29/6/2011 của UBND xã Cây Gáo, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai);
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Quỳnh**

